

THỰC TRẠNG VÀ YẾU TỐ LIÊN QUAN NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH CỦA HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN TẠI TỈNH HÀ BÌNH NĂM 2014

Dương Chí Nam¹; Phạm Ngọc Châu²; Trần Đắc Phu¹
Phạm Đức Minh³; Trần Thị Bích Hợp⁴

TÓM TẮT

Mục tiêu: xác định tỷ lệ hộ gia đình tiếp cận nhà tiêu, tỷ lệ có nhà tiêu sử dụng riêng, chất lượng vệ sinh nhà tiêu và các yếu tố kinh tế, xã hội liên quan tới thực trạng bao phủ nhà tiêu. **Đối tượng và phương pháp:** nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích, cỡ mẫu theo công thức tham chiếu một tỷ lệ, cỡ mẫu 801 hộ gia đình thuộc 9 xã của 2 huyện Kim Bôi và Mai Châu, tỉnh Hòa Bình năm 2014, thu thập số liệu qua quan sát theo bảng kiểm và phỏng vấn đại diện hộ gia đình. **Kết quả:** 87,5% hộ gia đình có nhà tiêu riêng, 12,5% hộ gia đình chưa có nhà tiêu; tỷ lệ chung bao phủ nhà tiêu hợp vệ sinh tại cộng đồng 21,8% trong số hộ gia đình có nhà tiêu. Các rào cản liên quan đến tiếp cận và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh là: điều kiện kinh tế, đặc điểm dân tộc và địa phương. **Kết luận:** tỷ lệ bao phủ nhà tiêu hợp vệ sinh tại cộng đồng thấp (21,8%), nhà tiêu tự hoại chiếm ưu thế, yếu tố nghề nghiệp, kinh tế và dân tộc là rào cản tiếp cận sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

* Từ khóa: Nhà tiêu hộ gia đình; Nhà tiêu hợp vệ sinh; Hoà Bình.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo điều tra quốc gia năm 2007, tỷ lệ bao phủ nhà tiêu tại cộng đồng nông thôn thấp, chất lượng vệ sinh nhà tiêu chưa tốt, tỷ lệ hộ gia đình (HGD) nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS) theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế chỉ mới đạt mức chung 18%, phân tích theo tiêu chí đạt tiêu chuẩn về xây dựng là 22,5% và đạt về tiêu chuẩn sử dụng bảo quản 22,2%. Kết quả điều tra này còn cho thấy, có tới 40,9% HGD ở khu vực Bắc Trung Bộ còn sử dụng phân người cho sản xuất nông nghiệp, trong đó 1,8% sử dụng phân chưa

qua xử lý và 64,5% sử dụng phân ủ không đủ thời gian 6 tháng.

Báo cáo của Bộ Y tế năm 2013 cho thấy, 10% HGD nông thôn chưa có nhà tiêu, các HGD tuy đã có nhà tiêu nhưng tỷ lệ nhà tiêu HVS còn rất thấp. Ước tính khoảng 20 triệu người dân nông thôn chưa tiếp cận được với nhà tiêu HVS. Tỷ lệ HGD có nhà tiêu sử dụng riêng HVS tính trên toàn quốc là 60%. Tỷ lệ này phân bố không đồng đều giữa các vùng sinh thái. Trong báo cáo này, Hòa Bình là một trong 10 tỉnh có tỷ lệ HGD có nhà tiêu HVS ở mức < 50%.

1. Cục Quản lý Môi trường, Bộ Y tế

2. Học viện Quân y

3. Bệnh viện Quân y 103

4. Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

Người phản hồi (Corresponding author): Dương Chí Nam (cucytdp@yahoo.com)

Ngày nhận bài: 17/12/2019; **Ngày phản biện đánh giá bài báo:** 24/12/2019

Ngày bài báo được đăng: 7/01/2020

Hòa Bình là một tỉnh miền núi có nhiều dân tộc sinh sống, mức độ bao phủ nhà tiêu HVS còn thấp so với tỷ lệ trung bình của cả nước. Theo báo cáo của Bộ Y tế, tính đến cuối năm 2013, ước tính tỷ lệ HGĐ có nhà tiêu riêng HVS ở Hòa Bình khoảng gần 50%. Để có cơ sở thực tiễn áp dụng các biện pháp can thiệp nâng cao mức độ bao phủ nhà tiêu HVS cho các HGĐ cộng đồng nông thôn, một yêu cầu thiết thực là đánh giá thực trạng bao phủ nhà tiêu HVS và các yếu tố liên quan tại cộng đồng nông thôn tỉnh Hòa Bình năm 2014, trên cơ sở đó làm căn cứ lựa chọn, áp dụng các giải pháp can thiệp.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu.

- HGĐ, người đại diện cho HGĐ sinh sống tại cộng đồng của 2 huyện Mai Châu và Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, hai huyện này thuần túy cộng đồng nông thôn, có dân tộc thiểu số và chưa bị ảnh hưởng của đô thị hóa.

- Cán bộ y tế xã, trưởng trạm, người phụ trách công tác vệ sinh môi trường, cán bộ y tế tỉnh, Giám đốc và Trưởng khoa Sức khỏe Môi trường của Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Hoà Bình.

2. Phương pháp nghiên cứu.

* *Thiết kế nghiên cứu:* nghiên cứu cắt ngang thực trạng nhà tiêu HGĐ và các yếu tố ảnh hưởng tới thực trạng này.

Thời gian nghiên cứu từ tháng 12 - 2013 đến 02 - 2014 tại tỉnh Hòa Bình.

* *Phương pháp nghiên cứu:* mô tả, có phân tích dựa trên phỏng vấn HGĐ và

kiểm tra trực tiếp bằng bảng kiểm quan sát nhà tiêu tại các HGĐ nghiên cứu.

* *Cỡ mẫu:* dựa trên công thức tính cỡ mẫu một tỷ lệ với p là tỷ lệ HGĐ có nhà tiêu sử dụng riêng HVS tỉnh Hòa Bình theo điều tra năm 2013 của Bộ Y tế [1].

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \cdot p(1-p)}{d^2} \times DE \quad (1)$$

Trong đó, n: Cỡ mẫu nghiên cứu; $Z_{1-\alpha/2}$: Hệ số giới hạn tin cậy với độ tin cậy 95%, $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$; p: Tỷ lệ % HGĐ có nhà tiêu riêng HVS tại tỉnh Hòa Bình, p = 50%; d: Sai số mong muốn, d = 0,05; DE: Hệ số điều chỉnh = 2.

Cỡ mẫu theo tính toán n = 768, thực tế đã tiến hành điều tra khảo sát 801 HGĐ.

- Chọn đối tượng nghiên cứu: bao gồm các HGĐ của 4 xã Chiềng Châu, Đồng Bằng, Bao La và Tân Mai trong 23 xã của huyện Mai Châu và 5 xã Bình Sơn, Sào Báy, Nam Thượng, Thượng Bì và Vĩnh Tiến trong 28 xã của huyện Kim Bôi.

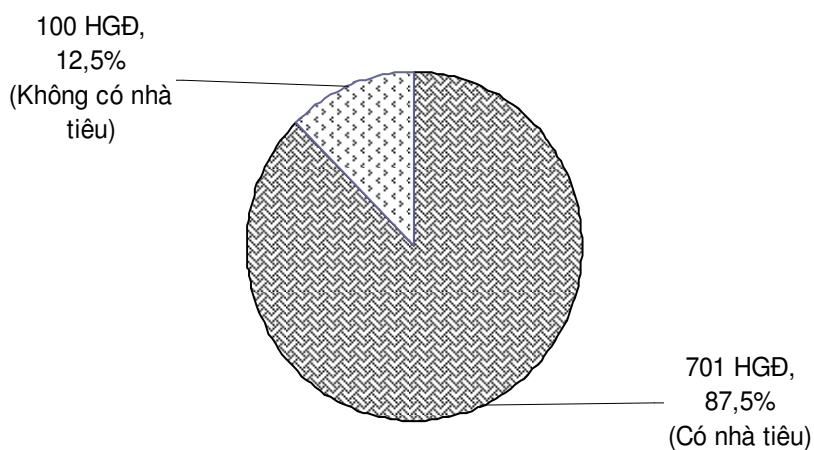
- Nội dung điều tra: tỷ lệ HGĐ có hoặc chưa có nhà tiêu riêng để sử dụng; cơ cấu các loại nhà tiêu hiện có tại HGĐ; tỷ lệ loại nhà tiêu thuộc nhóm nhà tiêu HVS; chất lượng vệ sinh nhà tiêu, yếu tố kinh tế HGĐ, dân tộc liên quan tới thực trạng sở hữu nhà tiêu riêng của HGĐ.

Nghiên cứu viên được tập huấn phỏng vấn HGĐ và kỹ năng quan sát đánh giá thống nhất nhận xét chất lượng nhà tiêu theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT [2].

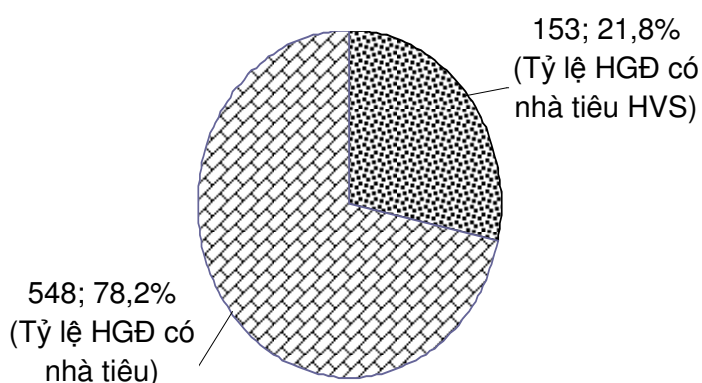
- Xử lý số liệu bằng phần mềm Excel và SPSS.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng cộng đồng được tiếp cận sử dụng nhà tiêu.



Biểu đồ 1: Tỷ lệ chung các HGD có nhà tiêu sử dụng riêng.



Biểu đồ 2: Tỷ lệ HGD có nhà tiêu sử dụng riêng HVS về xây dựng, sử dụng và bảo quản.

* Cơ cấu loại nhà tiêu của HGD hiện đang có nhà tiêu riêng để sử dụng tại cộng đồng 9 xã điều tra:

Bảng 1: Cơ cấu nhà tiêu của HGD có sở hữu nhà tiêu riêng.

Loại nhà tiêu	Kết quả	
	n	Tỷ lệ (%)
Nhóm nhà tiêu thuộc loại không HVS	466	66,5
Nhà tiêu cầu, xô/thùng	205	29,2
Nhà tiêu chìm không có ống thông hơi	60	8,6
Nhà tiêu một ngăn nổi khô	201	28,7

TẠP CHÍ Y - DƯỢC HỌC QUÂN SỰ SỐ 1-2020

Nhóm nhà tiêu thuộc loại HVS	235	33,5
Nhà tiêu chìm có ống thông hơi	8	1,1
Nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ	52	7,4
Nhà tiêu thấm dội nước	32	4,6
Nhà tiêu tự hoại	139	19,8
Nhà tiêu nối với hầm biogas	4	0,6
Tổng	701	100

Nhóm nhà tiêu không HVS chiếm tỷ lệ cao (66,5%), trong đó nhà tiêu cầu, xô/thùng, nhà tiêu một ngăn nổi khô chiếm tỷ lệ cao trong số các loại nhà tiêu sử dụng.

Nhóm nhà tiêu HVS chiếm tỷ lệ thấp (33,5%), trong đó nhà tiêu tự hoại chiếm tỷ lệ cao nhất.

Bảng 2: Tỷ lệ các loại nhà tiêu tại HGD có nhà tiêu HVS theo tiêu chuẩn xây dựng, sử dụng và bảo quản.

Loại nhà tiêu	Huyện				Tổng	
	Kim Bôi		Mai Châu		Tổng số nhà tiêu	Số nhà tiêu HVS (%)
	Tổng số nhà tiêu	Số nhà tiêu HVS (%)	Tổng số nhà tiêu	Số nhà tiêu HVS (%)		
Nhà tiêu chìm có ống thông hơi	5	4 (80,0)	3	0 (0,0)	8	4 (50,0)
Nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ	43	27 (62,8)	9	6 (66,7)	52	33 (63,5)
Nhà tiêu thấm dội nước	22	2 (9,1)	10	9 (90,0)	32	11 (34,4)
Nhà tiêu tự hoại	76	55 (72,4)	63	47 (74,6)	139	102 (73,4)
Nhà tiêu nối với hầm biogas	4	3 (75,0)	0	0 (0,0)	4	3 (75,0)
Nhà tiêu cầu, xô/thùng	105	-	100	-	205	-
Nhà tiêu chìm không có ống thông hơi	23	-	37	-	60	-
Nhà tiêu một ngăn nổi khô	128	-	73	-	201	-
Tổng	406	91 (22,4)	295	62 (21,0)	701	153 (21,8)

Theo tiêu chuẩn xây dựng, sử dụng và bảo quản, các nhà tiêu cầu, xô/thùng, nhà tiêu chìm không có ống thông hơi, nhà tiêu một ngăn nổi khô đều không đạt tiêu chuẩn nhà tiêu HVS. Các loại nhà tiêu khác có tỷ lệ HVS từ 34,4 - 75,0%.

2. Các yếu tố liên quan cộng đồng được tiếp cận sử dụng nhà tiêu.

Bảng 3: Mối liên quan giữa nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu với xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu HVS.

Nghề nghiệp	HGĐ có nhà tiêu HVS về xây dựng, sử dụng và bảo quản				Tổng		χ^2 ; OR (95%CI)	p
	Không có		Có					
	n	%	n	%	n	%		
Nông dân	461	82,5	98	17,5	559	79,7	$\chi^2 = 29,83$ OR = 2,97 95%CI = 1,99 - 4,45	< 0,001
Khác	87	61,3	55	38,7	142	20,3		
Tổng	548	78,2	153	21,8	701	100		

Có mối liên quan giữa yếu tố nghề nghiệp với HGĐ có nhà tiêu HVS. Trong đó, đối tượng là nông dân có tỷ lệ nhà tiêu không HVS cao hơn so với các nghề nghiệp khác, khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Bảng 4: Mối liên quan giữa dân tộc với việc xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu HVS.

Dân tộc	HGĐ có nhà tiêu HVS về xây dựng, sử dụng và bảo quản				Tổng		χ^2 ; OR (95%CI)	p
	Không có		Có					
	n	%	n	%	n	%		
Dân tộc thiểu số	485	82,3	104	17,7	589	84,0	$\chi^2 = 37,5$ OR = 3,63 95%CI = 2,36 - 5,57	< 0,001
Kinh	63	56,3	49	43,8	112	16,0		
Tổng	548	78,2	153	21,8	701	100		

Có mối liên quan giữa yếu tố dân tộc với HGĐ có nhà tiêu HVS. Trong đó, đối tượng là người dân tộc thiểu số có tỷ lệ nhà tiêu không HVS cao hơn so với các dân tộc khác, khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Bảng 5: Mối liên quan giữa điều kiện kinh tế với việc xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu HVS.

Điều kiện kinh tế	HGĐ có nhà tiêu HVS về xây dựng, sử dụng và bảo quản				Tổng		χ^2 ; OR (95%CI)	p
	Không		Có					
	n	%	n	%	n	%		
Nghèo, cận nghèo	261	81,8	58	18,2	319	45,5	$\chi^2 = 4,56$ OR = 1,49 95%CI = 1,03 - 2,15	< 0,05
Khác	287	75,1	95	24,9	382	54,5		
Tổng	548	78,2	153	21,8	701	100		

Có mối liên quan giữa yếu tố điều kiện kinh tế với HGĐ có nhà tiêu HVS. Trong đó, đối tượng HGĐ nghèo, cận nghèo có tỷ lệ nhà tiêu không HVS cao hơn so với các HGĐ khác, khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Bảng 6: Mối liên quan giữa truyền thông, vận động với việc xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu HVS.

Được truyền thông, vận động	HGĐ có nhà tiêu HVS về xây dựng, sử dụng và bảo quản				Tổng		χ^2 ; OR (95%CI)	p
	Không		Có					
	n	%	n	%	n	%		
Không	340	82,7	71	17,3	411	58,6	$\chi^2 = 12,06$ OR = 1,89 95%CI = 1,32 - 2,71	< 0,001
Có	208	71,7	82	28,3	290	41,4		
Tổng	548	78,2	153	21,8	701	100		

Có mối liên quan giữa việc tuyên truyền, vận động xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu HVS với HGĐ có nhà tiêu HVS. Trong đó, đối với các HGĐ không được tuyên truyền, vận động có tỷ lệ nhà tiêu không HVS cao hơn so với các HGĐ được tuyên truyền, vận động, khác biệt có ý nghĩa thống kê.

BÀN LUẬN

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm làm rõ bức tranh vệ sinh môi trường tại cộng đồng nông thôn tại các HGĐ ở 2 huyện nghiên cứu có nhà tiêu HVS hay không? Loại nhà tiêu nào các HGĐ hay sử dụng? Trả lời các câu hỏi này sẽ gợi ý cho các hoạt động can thiệp phù hợp với địa phương nghiên cứu nhằm nâng cao tỷ lệ HGĐ có nhà tiêu HVS, góp phần quản lý phân người được tốt hơn.

Kết quả cho thấy 87,5% HGĐ có nhà tiêu, như vậy vẫn còn 12,5% HGĐ hiện chưa có nhà tiêu. Kết quả này gần tương đương với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Hà và CS (01 - 2014) với 90% HGĐ có nhà tiêu tại 6 tỉnh Việt Nam [3]. Những lý do không có nhà tiêu của HGĐ tại địa bàn nghiên cứu có thể do HGĐ không đủ tiền để xây dựng, HGĐ cho rằng không cần thiết hoặc không thích sử dụng do thói quen làm việc trên nương rẫy...

Theo quy định của Bộ Y tế, nhóm nhà tiêu thuộc loại HVS bao gồm tự hoại, thấm dội nước, biogas, hai ngăn ủ phân tại chỗ và chìm có ống thông hơi. Các loại nhà tiêu này nếu được xây dựng, sử dụng và bảo quản đúng cách có thể cô lập được phân người, ngăn không cho phân chưa được xử lý tiếp xúc với động vật, côn trùng, tiêu diệt mầm bệnh trong phân, không gây mùi khó chịu và làm ô nhiễm môi trường xung quanh. Tuy nhiên, trong nghiên cứu của chúng tôi vẫn còn hơn một nửa số HGĐ tại 2 huyện có nhà tiêu nhưng không thuộc loại HVS (66,5%), trong đó nhà tiêu cầu, xô/thùng chiếm 29,2%, nhà tiêu một ngăn nổi khô 28,7%, nhà tiêu chìm không có ống thông hơi 8,6%. Điều này cho thấy, tình hình vệ sinh môi trường tại các xã của 2 huyện nghiên cứu cần được quan tâm nhiều hơn, đây có thể là nguy cơ gây bùng phát và lây lan dịch bệnh do tình trạng quản lý phân người kém.

Trong số các nhà tiêu thuộc loại HVS, loại nhà tiêu tự hoại hay được các HGĐ sử dụng nhiều nhất (59,2%). Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của Trần Đắc Phu (2011) về tỷ lệ nhà tiêu HGĐ tại 5 tỉnh phía Bắc, trong đó tỷ lệ HGĐ sử dụng nhà tiêu tự hoại ở Hải Phòng là 78,5% và Hà Nam 64,6% [4]. Theo chúng tôi, khác biệt này có thể do Hải Phòng và Hà Nam gần thủ đô Hà Nội, có tốc độ phát triển kinh tế cao hơn so với 2 huyện của tỉnh Hoà Bình, nơi có nhiều người dân tộc sinh sống (80,1% người tham gia nghiên cứu là dân tộc Mường và dân tộc Thái). Xét theo từng loại nhà tiêu, kết quả này cho thấy 73,4% nhà tiêu tự hoại, 75% nhà tiêu nối với hầm biogas đạt tiêu chuẩn vệ sinh cả về xây dựng, sử dụng và bảo quản. Điều này có thể giải thích do các loại nhà tiêu này thường mới xây, có quy trình kỹ thuật xây dựng rõ ràng, phổ biến, dễ áp dụng. Bên cạnh đó, loại nhà tiêu này dễ dàng và thuận tiện khi sử dụng và bảo quản.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ bao phủ nhà tiêu tại cộng đồng là 87,5%, tuy nhiên, tỷ lệ nhà tiêu HVS tại HGĐ ở cộng đồng nông thôn Hòa Bình thấp (21,8%), nhà tiêu tự hoại chiếm ưu thế, trong đó các yếu tố dân tộc, tình hình kinh tế HGĐ, nghề nghiệp và cách truyền thông, vận động là rào cản để tiếp cận sử dụng nhà tiêu HVS tại cộng đồng nông thôn Hòa Bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế. Báo cáo điều tra đánh giá kết quả hợp phần vệ sinh năm 2013 thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh Môi trường Nông thôn giai đoạn 2012 - 2015. 2013.
2. Bộ Y tế. Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh (QCVN 01: 2011/BYT). 2011.
3. Nguyễn Thanh Hà, Dương Chí Nam. Thực trạng xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hộ gia đình ở 6 tỉnh Việt Nam năm 2014. Tạp chí Y - Dược học Quân sự. 2017, 1, tr.40-46.
4. Trần Đắc Phu. Tỷ lệ nhà tiêu hộ gia đình tại 5 tỉnh phía Bắc. Tạp chí Y học Thực hành. 2011, 12 (798), tr.57-59.